

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2024
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự;

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Quang Huy

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên toà:**

Bà Mai Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Đỗ Thanh H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, bản trình bày, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đ và anh Đỗ Thanh H qua tìm hiểu, quen biết nhau sau đó đăng ký kết hôn ngày 05/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó anh H thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo đến đời sống gia đình, mỗi lần về thường đánh đập, hành hung chị Đ. Nay chị Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Đ làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh H, chị Đ không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Chị Đ và anh H có 02 con chung là Đỗ Khánh U, sinh ngày 17/11/2011 và Đỗ Thanh N, sinh ngày 15/11/2007, hiện 02 con chung đang sống

với tôi, ly hôn chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng 900.000 đồng/con chung/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo, Văn bản tố tụng nhưng ông H không đến Tòa án làm việc. Ông H vắng mặt tại phiên tòa, do vậy, không có ý kiến của bị đơn ông Đỗ Thanh H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Thanh H, yêu cầu nuôi con chung là cháu Đỗ Khánh U, sinh ngày 17/11/2011 và Đỗ Thanh N, sinh ngày 15/11/2007, chị Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Đ đối với anh Đỗ Thanh H.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là Đỗ Khánh U, sinh ngày 17/11/2011 và Đỗ Thanh N, sinh ngày 15/11/2007 cho chị Trần Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Về cấp dưỡng: Không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao căn cước công dân; Bản sao sổ hộ khẩu; Bản sao trích lục khai sinh; Chứng cứ do Tòa án thu thập: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản lấy lời khai con chưa thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Đỗ Thanh H. Đơn khởi kiện của chị Đ phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đỗ Thanh H hiện đang cư trú tại huyện P, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đỗ Thanh H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, anh H vắng mặt lần hai do vậy toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Thanh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn, huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị Đ và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị Đ và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2023 đến nay anh H thường xuyên bỏ nhà đi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng bị đơn không có mặt, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Đ có mặt, giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì lý do không còn tình cảm vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Đ.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh H có 02 con chung là Đỗ Khánh U, sinh ngày 17/11/2011 và Đỗ Thanh N, sinh ngày 15/11/2007. Các con chung là U và N đang sống cùng chị Đ tại thôn Đồng Tâm, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai. Xét yêu cầu về nuôi con chung của chị Đ thấy rằng, cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên, con chung là Đỗ Khánh U và Đỗ Thanh N đang ở với chị Đ, có nguyện vọng được ở với chị Đ, do vậy việc giao con chung là Đỗ Khánh U và Đỗ Thanh N cho chị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Trần Thị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Đỗ Thanh H.

2. Về con chung:

Giao con chung là Đỗ Khánh U, sinh ngày 17/11/2011 và Đỗ Thanh N, sinh ngày 15/11/2007 cho chị Trần Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và

giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (theo nguyện vọng của con chung).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc chị Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005306 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Chị Trần Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2024). Anh Đỗ Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Quảng

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2023
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Chự và ông Nguyễn Ngọc Bình
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 320/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa:
Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Thôn Đồng Tâm, xã Bàu Cạn, huyện P, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Anh Đỗ Thanh H, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Thôn Đồng Tâm, xã Bàu Cạn, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về việc giải quyết vụ án:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ

2.1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Đỗ Thanh H.

2.1.2 Về con chung:

Giao con chung là Đỗ Khánh Uyên, sinh ngày 17/11/2011 và Đỗ Thanh Nguyên, sinh ngày 15/11/2007 cho chị Trần Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (theo nguyện vọng của con chung).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.2 Về án phí: Buộc chị Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0005306 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.3 Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2024). Anh Đỗ Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 45 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Công Chự Nguyễn Ngọc Bình

Võ Văn Quảng